

TỜ TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về báo cáo Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XVII, ngày 23/6/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe và thảo luận về dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo. Sau khi tiếp thu các ý kiến tham gia góp ý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các nội dung cơ bản như sau:

I. BỐ CỤC, NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH TỈNH

Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được xây dựng dựa trên Luật Quy hoạch 2017, Nghị định 37/2019/NĐ-CP, ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và Quyết định số 442/QĐ-TTg, ngày 25/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Hải Dương; bố cục gồm 4 phần, cụ thể như sau:

- Phần I. Lý do và sự cần thiết, các căn cứ lập quy hoạch tỉnh; phạm vi, ranh giới, thời kỳ quy hoạch, mục tiêu, nguyên tắc, quan điểm lập quy hoạch; cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu để lập quy hoạch.

- Phần II: Nội dung Quy hoạch gồm 8 nhiệm vụ chính: (1) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương; (2) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; (3) Dự báo các xu thế, triển vọng phát triển trong nước và quốc tế; (4) Phân tích đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, nhận diện các vấn đề cần giải quyết; (5) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh; (6) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, gồm: Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội; Phương án phát triển đô thị, nông thôn và các khu chức năng; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng; Phương án phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất đai; Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, liên huyện; Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước,

phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu. (7) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư. (8) Các nhóm giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

- Phần III. Hệ thống sơ đồ, bản đồ.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY HOẠCH TỈNH

1. Nguyên tắc và phương pháp luận trong nghiên cứu lập Quy hoạch tỉnh

Quy hoạch tỉnh Hải Dương được xây dựng với phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực từ quan điểm phát triển bám sát định hướng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp huyện và cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các quy định có liên quan của pháp luật nhà nước. Áp dụng phương pháp tích hợp, tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

2. Quan điểm, mục tiêu phát triển

2.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương theo hướng phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước đề ra đối với việc phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng; dựa trên tinh thần của các phạm vi chính của Nghị định Chính phủ về Luật quy hoạch và các văn bản pháp luật liên quan khác.

- Định hướng phát triển nhằm phát huy, tận dụng tối đa tiềm năng thế mạnh của tỉnh, nhất là tiềm năng riêng có của tỉnh nằm trong liên kết vùng thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt vị trí của tỉnh trong mối liên kết dọc theo trục đường cao tốc hướng Đông Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; đồng thời, sử dụng hiệu quả nguồn lực tối đa cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng tiếp cận toàn diện, với mục tiêu hướng đến tăng trưởng xanh và bền vững, chú trọng chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; gắn với củng cố an ninh quốc phòng, cũng như các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giữ gìn bản sắc văn hoá xứ Đông với phát triển kinh tế; lấy văn hoá, con người là mục tiêu và nền tảng, động lực để phát triển tỉnh.

- Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với trọng tâm tập trung vào các giải pháp, sáng kiến chiến lược và giải pháp động lực. Ưu tiên hàng đầu việc đầu tư nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ, là yếu tố chủ đạo để tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, và tính cạnh tranh của tỉnh.

- Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng được cân nhắc xây dựng trong mối tương quan với định hướng phát triển của các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Hồng và lân cận, nhằm nổi bật yếu tố kết nối của tỉnh Hải Dương với không gian phát triển chung. Định hướng được xây dựng trên tinh thần thúc đẩy hợp tác cùng phát triển, mở rộng chuỗi giá trị của vùng đồng bằng sông Hồng và các vành đai kinh tế trong khu vực.

2.2. Tầm nhìn chiến lược

Tầm nhìn chiến lược tới năm 2050: “Phát triển tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp, hiện đại, văn minh, phát triển bền vững và giàu bản sắc văn hóa xứ Đông. Phần đầu đến năm 2050 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; là một trung tâm công nghiệp, đô thị hiện đại, xanh, thông minh, an ninh, an toàn, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng; là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng”.

2.3. Mục tiêu phát triển

- Đến năm 2025, tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, có hạ tầng kinh tế - xã hội khá đồng bộ; tiếp tục chuyển dịch kinh tế sang công nghiệp - dịch vụ, chủ trương ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến. Tăng GRDP thực tế bình quân đầu người ở mức cao hơn cả nước, đạt khoảng 114 triệu đồng.

- Đến năm 2030, phần đầu xây dựng Hải Dương là tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô nền kinh tế trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước, đứng thứ 4 trong vùng đồng bằng sông Hồng; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; là trung tâm công nghiệp động lực của vùng đồng bằng sông Hồng. Tăng GRDP thực tế bình quân đầu người ở mức cao hơn cả nước, đạt khoảng 183 triệu đồng.

- Đến năm 2050, phần đầu trở thành trở thành thành phố trực thuộc Trung ương văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa xứ Đông; một đô thị hiện đại, xanh, thông minh, an ninh, an toàn, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng; phát triển công nghiệp hiện đại, dịch vụ chất lượng cao, phục vụ các hoạt động sản xuất trên địa bàn cũng như toàn vùng đồng bằng sông Hồng. Phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị tạo sự ổn định của nền kinh tế.

3. Kịch bản phát triển kinh tế - xã hội

Trên cơ sở 3 kịch bản tăng trưởng do đơn vị tư vấn đề xuất, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lựa chọn và Báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phương án tăng trưởng theo kịch bản 3 “Tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 12,5%; tỷ trọng cơ cấu kinh tế giữa nông nghiệp - công nghiệp, - xây dựng - dịch vụ sẽ đạt tương ứng là 4,8% - 63,9% - 31,3% năm 2030; quy mô nền kinh tế nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước; đứng thứ 4/11 vùng đồng bằng sông Hồng” để phù hợp với tình hình phục hồi kinh tế

do tác động đại dịch Covid-19, khả năng huy động nguồn lực và khả năng thực thi các chương trình, đề án phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới bảo đảm khả thi và có mức phấn đấu cao hơn.

4. Lựa chọn mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng trưởng GRDP cả giai đoạn 2021-2030 bình quân 12,5%/năm, trong đó giai đoạn 2021-2025 bình quân 11,9%/năm, giai đoạn 2026-2030 bình quân 13,1%/năm; GRDP bình quân đầu người của tỉnh Hải Dương theo giá thực tế sẽ đạt khoảng 114 triệu đồng năm 2025 (tương ứng với khoảng 67,6 triệu đồng theo giá so sánh 2010) và đạt 183 triệu đồng năm 2030 (tương ứng với khoảng 98,1 triệu đồng theo giá so sánh 2010).

- Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp và thủy sản chiếm 7,1% vào năm 2025 và chiếm 4,8% vào năm 2030; công nghiệp - xây dựng chiếm 62,1% vào năm 2025 và chiếm 63,9% vào năm 2030; các ngành dịch vụ chiếm 30,8% vào năm 2025 và chiếm 31,3% vào năm 2030 trên tổng GDP của tỉnh.

- Quy mô dân số khoảng 2.163.158 người năm 2025; 2.760.418 người năm 2030.

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025: Giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới.

- Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp, tăng dần lao động phi nông nghiệp. Cụ thể, tỷ trọng lao động theo ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ sẽ đạt lần lượt là 14% - 54,2% - 31,8% năm 2025 và 7,8% - 62,0% - 30,1% năm 2030.

5. Trụ cột chiến lược và định hướng phát triển các ngành quan trọng

5.1. Trụ cột chiến lược

Trụ cột chiến lược (4-4-3) gồm 4 trục phát triển không gian (Trục phát triển Bắc - Nam; Trục phát triển Đông - Tây trung tâm tỉnh; Trục phát triển theo hướng Đông Tây đi qua khu vực phía Bắc của tỉnh; Trục phát triển kinh tế dọc các tuyến sông); 4 trụ cột chiến lược phát triển (Công nghiệp - Nông nghiệp - Dịch vụ - Đô thị); 3 nền tảng hỗ trợ (Văn hóa và con người xứ Đông; Môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch; Hạ tầng đồng bộ, kết nối hiện đại).

5.2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

5.2.1. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng

Tầm nhìn năm 2050, Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp công nghệ cao, thông minh, bền vững, tận dụng vị trí chiến lược, liên kết vùng và ứng dụng khoa học và công nghệ cao, trở thành trục động lực của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- 4 trụ cột chính: (1) Tập trung mở rộng và nâng cao chuỗi giá trị, tận dụng liên kết vùng cho các ngành công nghiệp chủ lực; (2) Xây dựng năng lực cạnh tranh

chiến lược, tiến tới phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng trong tương lai.
 (3) Duy trì và tái cơ cấu các ngành công nghiệp giá trị sản xuất nhỏ, đảm bảo an sinh xã hội; (4) Xây dựng Hải Dương thành trục công nghiệp động lực cho đồng bằng sông Hồng.

- Các trụ cột hỗ trợ: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; Khoa học công nghệ; Các trụ cột hỗ trợ khác.

5.2.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tầm nhìn năm 2050: Hải Dương trở thành trung tâm sản xuất, chế biến nông sản của vùng đồng bằng sông Hồng, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, dựa vào chiến lược đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ, và xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng của địa phương

- Các trụ cột chiến lược: Trồng trọt - Chăn nuôi - Thủy sản.

- Các yếu tố hỗ trợ (7): Thương hiệu, tiếp thị; Công nghiệp chế biến, cung ứng lạnh; Khoa học, công nghệ; Phân vùng, quy hoạch; Cơ chế, chính sách; Tổ chức sản xuất; Nguồn nhân lực.

5.2.3. Phương hướng phát triển thương mại, dịch vụ

Tầm nhìn năm 2050, Hải Dương sẽ phát triển với thương mại - dịch vụ là một trong hai động lực thúc đẩy kinh tế, bên cạnh ngành công nghiệp; có khả năng cung cấp các dịch vụ chất lượng cao phục vụ các hoạt động sản xuất trên địa bàn, hướng tới là cho toàn vùng đồng bằng sông Hồng; là tỉnh với du lịch tâm linh văn hóa và du lịch sinh thái phát triển rõ nét. Ngành thương mại - dịch vụ của tỉnh sẽ phát triển với bốn trụ cột chiến lược và ba trụ cột hỗ trợ chính.

6. Định hướng phát triển không gian, lãnh thổ và đô thị

6.1. Định hướng về phát triển không gian, lãnh thổ đến năm 2030

Không gian phát triển tỉnh Hải Dương được tổ chức theo mô hình đa cực tích hợp, phát triển theo định hướng “*Đa dạng - Bản sắc - Tăng trưởng xanh và bền vững*”. Đề xuất phát triển không gian tỉnh Hải Dương phát triển theo 4 trục phát triển, 5 cực tăng trưởng và 5 vùng phát triển. Cụ thể như sau:

04 trục phát triển: (mục 5.1).

05 cực tăng trưởng chính: Hải Dương phát triển với 1 đô thị trung tâm là Thành phố Hải Dương; 4 đô thị động lực: Thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, Bình Giang, Thanh Miện; 5 đô thị vệ tinh là: Gia Lộc, Nam Sách, Cẩm Giàng, Thanh Hà, Tứ Kỳ và 2 đô thị chức năng chuyên biệt: Ninh Giang và Kim Thành.

05 phân vùng phát triển: được liên kết chặt chẽ với nhau qua 4 trục phát triển bao gồm: phân vùng đô thị dịch vụ tổng hợp trung tâm; phân vùng phát triển trọng điểm công nghiệp - đô thị phía Tây; phân vùng đô thị du lịch nghỉ dưỡng, du lịch

văn hoá tâm linh phía Bắc; phân vùng nông nghiệp tập trung, đặc sản, công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến liên kết và công nghiệp hỗ trợ; phân vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Đông Bắc.

6.2. Về phát triển đô thị, nông thôn

Về phát triển hệ thống đô thị: Xây dựng phát triển “Đô thị xanh sinh thái - thông minh - hiện đại - năng động - phát triển bền vững”. Tập trung xây dựng một số tiêu chí quan trọng làm tiền đề để phấn đấu thành lập thành Phố trực thuộc Trung ương giai đoạn sau 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hệ thống đô thị tỉnh Hải Dương đến giai đoạn 2021 - 2030 có 61 đô thị. Trong đó, đến năm 2025 có 40 đô thị gồm: 1 đô thị loại I, 2 đô thị loại III, 5 đô thị loại IV, 32 đô thị loại V; Tỷ lệ đô thị hoá ước đạt 38-40%; đến năm 2030 có 61 đô thị gồm: 1 đô thị loại I, 1 đô thị loại II, 1 đô thị loại III, 7 đô thị loại IV, 51 đô thị loại V và thành lập mới đô thị loại V cho 20 đô thị trên cơ sở nâng cấp các xã nông thôn có điều kiện kinh tế xã hội, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phát triển. Tỷ lệ đô thị hoá ước đạt 50-55%.

Giai đoạn sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Hải Dương sẽ là tỉnh công nghiệp hiện đại và là một trong những khu đô thị lớn nhất vùng, nơi có các dịch vụ chất lượng cao phát triển, phục vụ các hoạt động sản xuất toàn vùng đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh đó, phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ là đột phá, phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị là mũi nhọn, phát triển dịch vụ chất lượng cao là nền tảng. Đây chính là tiền đề để tỉnh tiến tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Đến năm 2050, phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương văn minh, hiện đại, xanh thông minh và giàu bản sắc văn hoá xứ Đông, phát triển bền vững hội nhập quốc tế sâu rộng, trung tâm công nghiệp đô thị là động lực thúc đẩy kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng.

Về phát triển khu vực nông thôn: Phát triển ngành nông - lâm - thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới, theo hướng hiện đại, công nghệ cao, sạch và phát triển bền vững, trên cơ sở các mô hình sản xuất phù hợp nhằm đảm bảo an ninh lương thực, ổn định xã hội, phục vụ du lịch và cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp. Phát huy thế mạnh riêng của từng vùng để phát triển mô hình kinh tế nông thôn khác nhau của từng vùng huyện thị. Phát triển kết nối nông thôn với đô thị.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

7.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: Đến năm 2030 có 86.992 ha đất nông nghiệp, giảm 18.322 ha so với năm 2020, chiếm 52,14% diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: Đến năm 2030 có 79.824 ha đất phi nông nghiệp, chiếm 47,85% diện tích tự nhiên; tăng 18.409 ha so với năm 2020.

- Đất chưa sử dụng: Đến năm 2030 còn 12 ha đất chưa sử dụng, giảm 87 ha so với năm 2020.

7.2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

- Đất đô thị: Tổng diện tích đất đô thị của tỉnh Hải Dương đến năm 2030 dự kiến là 46.739 ha, chiếm 28,02% diện tích tự nhiên (trong đó 5.072 ha đất ở tại đô thị).

- Khu sản xuất nông nghiệp: Dự kiến đến năm 2030 tỉnh Hải Dương có 46.444 ha đất khu sản xuất nông nghiệp, chiếm 27,84% diện tích tự nhiên.

- Khu lâm nghiệp: Dự kiến đến năm 2030 có 8.023 ha (giảm 1.020 ha để chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng), phân bố ở thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn.

- Khu du lịch: Diện tích đất cho phát triển các khu, điểm du lịch đến năm 2030 là 10.048,3 ha, chiếm 6,02% diện tích tự nhiên.

- Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: dự kiến đến năm 2030, có 1.544 ha, chiếm 0,93% diện tích tự nhiên.

- Khu phát triển công nghiệp: bao gồm toàn bộ khu vực quy hoạch các khu công nghiệp và cụm công nghiệp với tổng diện tích là 8.937 ha, chiếm 5,36% diện tích tự nhiên.

- Khu thương mại, dịch vụ: Dự kiến đến năm 2030 có 1.183 ha đất khu thương mại - dịch vụ, chiếm 0,71% diện tích tự nhiên.

- Khu dân cư nông thôn: dự kiến năm 2030 có 28.653 ha đất khu dân cư nông thôn (trong đó 14.416 ha đất ở tại nông thôn), chiếm 17,17% diện tích tự nhiên.

8. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, liên huyện

Các phân vùng huyện, liên huyện gắn với ranh giới vùng lãnh thổ và định hướng phát triển của các ngành lĩnh vực, trong đó lấy hệ thống đô thị là trung tâm, thúc đẩy sự phát triển của vùng. Tỉnh được phân chia thành 05 vùng huyện, liên huyện: (1) Vùng đô thị dịch vụ tổng hợp trung tâm gồm thành phố Hải Dương, Nam Sách, Gia Lộc; (2) Vùng phát triển trọng điểm công nghiệp - đô thị phía Tây gồm các huyện Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện; (3) Vùng đô thị du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá tâm linh phía Bắc gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Chí Linh; (4) Vùng nông nghiệp tập trung, đặc sản, công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến liên kết và công nghiệp hỗ trợ gồm các huyện Thanh Hà, huyện Ninh Giang, huyện Tứ Kỳ; (5) Vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Đông Bắc bao gồm Thị xã Kinh Môn và huyện Kim Thành.

9. Dự án trọng điểm thu hút đầu tư

Trên cơ sở những định hướng phát triển của các ngành, đề xuất 10 nhóm dự án trọng điểm tạo đột phá trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để tập trung kêu gọi đầu tư, gồm: Nông, lâm, thủy sản; Công nghiệp; Thương mại, dịch vụ; Y tế, Khoa học và công nghệ; Phát thanh truyền hình, Văn hóa, thể thao; Du lịch, Giao thông, Thủy lợi.

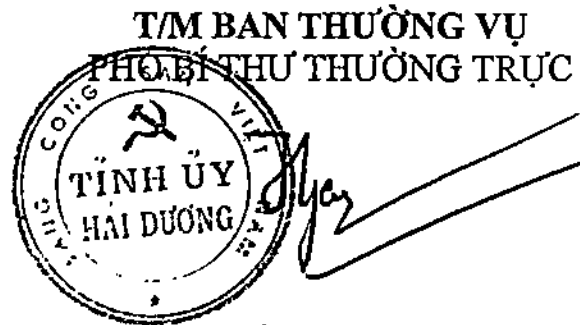
10. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển theo phương án chọn, đề xuất 6 nhóm giải pháp chủ yếu mang tính đột phá đó là: (1) Giải pháp về huy động vốn đầu tư; (2) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực; (3) Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ; (4) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển; (5) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn; (6) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Trên đây là những nội dung chính về Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các đại biểu dự HN BCH 11,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, Th-TH.



Lê Văn Hiệu